

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA H'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HSST

Ngày: 23/5/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà H' Uyên AYun

2. Ông Vũ Xuân Thụ

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Xuân Cường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên toà: Ông Phạm Công Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018, tại phòng xét xử - Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 44/2018/HSST, ngày 24 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Tấn Th - sinh năm 1994, tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Tổ dân phố N, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm Nông; trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; con ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1957 và bà Trần Thị L, sinh năm 1960; có vợ Phan Thị Thủy T, bị cáo có 01 người con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ 21/11/2017 chuyển tạm giam ngày 24/11/2017 đến nay. Có mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Đình H - sinh năm 1997, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm Nông; trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1971 và bà Lương Thị Thanh Th, sinh năm 1972; có vợ Nguyễn Thị D, bị cáo có 01 người con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt

- Người bị hại: Anh Nguyễn Văn L – sinh năm: 1984 – vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Văn H' – Sinh năm 1980 – vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố B', thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

2. Bà Trần Thị L – Sinh năm 1960 – có mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố ML, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

3. Bà Lương Thị Thanh Th – Sinh năm 1972 – có mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn K – Sinh năm 1973 – vắng mặt.

Nơi cư trú: Tổ dân phố B', thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 24/6/2017 Nguyễn Tấn Th đến mượn chiếc xe máy cày (xe cày đầu đẩy) của anh Nguyễn Văn L để đi rừng thì anh L đồng ý và giao xe cho Th. Ngày 25/6/2017 sau khi đi rừng về thì Th nảy sinh ý định đem chiếc xe máy cày mượn của anh L đi cầm lấy tiền tiêu xài, Th điều khiển xe máy cày đến nhà Nguyễn Đình H, rủ H cùng đi cầm chiếc xe máy cày này để lấy tiền đi chơi Nha Trang thì H đồng ý. Th bảo H chạy xe mô tô đi theo xuống tiệm cầm đồ Phú H, để sau khi cầm được xe máy cày thì chở Th về. Khi đến tiệm cầm đồ Phú H thì Th vào gặp anh Phạm Văn H' (chủ tiệm cầm đồ) rồi thỏa thuận cầm chiếc xe cày của anh L với giá 20.000.000đ. Sau khi thỏa thuận xong, do không có giấy Chứng minh nhân dân nên Th nói H đưa chứng minh nhân dân của H để làm giấy tờ cầm cố, H đồng ý đưa chứng minh nhân dân cho anh H' làm hợp đồng cầm cố đứng tên H, khi làm xong giấy tờ thì anh H' đã đưa cho H số tiền 20.000.000đ cùng với một bản hợp đồng cầm cố. Sau khi ra khỏi tiệm cầm đồ thì H đưa toàn bộ số tiền này cho Th, còn giấy cầm cố thì H giữ, tiếp đó Th và H chạy xe mô tô đến tiệm cầm đồ K (tổ dân phố B', thị trấn E) chuộc lại 02 giấy phép lái xe của Th và H đã cầm trước đó hết số tiền là 1.100.000đ (một triệu một trăm nghìn đồng). Số tiền còn lại Th và H chia nhau mỗi người 9.450.000đ (chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). H cất giữ số tiền được chia đến hai ngày sau khi bị anh L phát hiện thì Huy cầm về đưa cho mẹ mình để trả lại cho anh L. Còn Nguyễn Tấn Th sau khi phạm tội thì bỏ trốn và đến ngày 21/11/2017 bị bắt giữ theo lệnh truy nã.

Tại biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá đã xác định chiếc xe máy cày của anh Nguyễn Văn L trị giá là 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng).

Tang vật thu giữ: 01 xe máy cày và đã trao trả cho người bị hại anh Nguyễn Văn L.

Trong quá trình điều tra gia đình hai bị cáo đã trả lại cho anh Phạm Văn H số tiền các bị cáo cầm cố xe là 20.000.000đ

Tại bản cáo trạng số 46/KSĐT-HS ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo truy tố Nguyễn Tấn Th và Nguyễn Đình H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi đã thực hiện như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Kết quả tranh luận, Kiểm sát viên đưa ra các chứng cứ buộc tội; đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Kiểm sát viên giữ quyết định truy tố đối với các bị cáo như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140, các điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt, Nguyễn Tấn Th từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140, các điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1,2 Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999: Xử phạt, Nguyễn Đình H từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách bằng 2 lần mức án đã tuyên.

- Trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn L và anh Phạm Văn H' không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 chấp nhận việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'Leo trao trả chiếc xe máy cày cho anh Nguyễn Văn L.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ea H'Leo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Tấn Th và Nguyễn Đình H khai nhận: Sau khi mượn được xe máy cày của anh Nguyễn Văn L, thì Th nảy sinh ý định mang đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài và đi chơi, Th đã điều khiển xe máy cày này đến nhà Nguyễn Đình H rủ H cùng đi cầm cố để lấy tiền đi chơi Nha Trang thì H đồng ý. Bản thân H biết được biết chiếc xe máy cày này là của anh Nguyễn Văn L và biết rõ việc Th rủ đi cầm xe này không được sự đồng ý của anh L nhưng H vẫn đồng ý. Sau đó Th và H đã cầm chiếc xe máy cày của anh L cho tiệm cầm đồ Phú H

được 20.000.000đ, sau khi có tiền Th và H sử dụng 1.100.000đ để chuộc lại hai giấy phép lái xe mà các bị cáo đã cầm trước đó tại tiệm cầm đồ K. Số tiền còn lại thì các bị cáo chia nhau.

Như vậy, hành vi của Nguyễn Tấn Th và Nguyễn Đình H đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999, như Cáo trạng và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

Tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới bốn triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm”.

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, khi thực hiện hành vi, các bị cáo có đủ nhận thức, biết rõ việc làm của mình là vi phạm pháp luật, nhưng do hám lợi muốn có tiền để tiêu xài mà không phải đổ mồ hôi công sức và ý thức coi thường pháp luật nên các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo không những đã xâm phạm đến tài sản của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây bất bình trong nhân dân. Vì vậy, phải có hình phạt tương xứng nhằm giáo dục riêng đối với các bị cáo đồng thời phát huy tác dụng răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

Trong vụ án này có hai bị cáo cùng thực hiện tội phạm vai trò và nhân thân khác nhau nên cần phân hóa để có hình phạt tương xứng với từng bị cáo:

Đối với Nguyễn Tấn Th là người trực tiếp mượn xe máy cày và là người nảy sinh ý định chiếm đoạt trước, sau đó mới đến rủ Nguyễn Đình H, bị cáo là người khởi xướng rủ rê đồng thời sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra, bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã, Vì vậy, bị cáo là người giữ vai trò chính trong vụ án nên cần có hình phạt cao hơn bị cáo H và cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cải tạo một thời gian nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người biết tôn trọng pháp luật. Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai nhận và tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu đồng thời bị cáo cũng đã tác động để gia đình trả lại số tiền 10.000.000đ cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 cần áp dụng nhằm giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo khoan hồng của pháp luật.

Đối với Nguyễn Đình H giữ vai trò đồng phạm trong vụ án, bị cáo không phải là người khởi xướng mà chỉ đồng ý thực hiện tội phạm theo lời rủ rê của Th, nên bị cáo có vai trò thứ yếu trong vụ án, vì vậy áp dụng hình phạt thấp hơn bị cáo Th đồng xét thấy bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận và tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho chủ sở hữu đồng thời bị cáo đã trả lại số tiền 10.000.000đ cho người có quyền lợi liên quan trong vụ án, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999 cần áp dụng nhằm giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo. Do được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, có vai trò thấp hơn trong vụ án. Vì vậy, xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để cải tạo, mà cho bị cáo được hưởng án treo, tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo mình dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng, răn đe đối với bị cáo.

Đối với Phạm Văn H' là người đã cầm cố chiếc xe cày của anh L nhưng anh H' không biết đó là tài sản do các bị cáo phạm tội mà có nên không cấu thành tội phạm.

Đối với bà Lương Thị Thanh Th (mẹ bị cáo H) là người cất giữ số tiền mà bị cáo H phạm tội mà có, nhưng mục đích cất giữ là để trả lại cho anh Phạm Văn H', nên không cấu thành tội phạm.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 589 Bộ luật dân sự. Chấp nhận việc gia đình các bị cáo đã trả lại cho anh Phạm Văn H' số tiền 20.000.000đ.

[4]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự 1999; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 1999 chấp nhận việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'Leo trao trả chiếc xe máy cày cho anh Nguyễn Văn L.

[5]. Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Tấn Th; Nguyễn Đình H, phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; các điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết 326/2016/UB-TVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án, đối với cả hai bị cáo; áp dụng thêm khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Đình Huy.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tấn Th 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình

phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 21/11/2017).

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình H 10 (mười) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đình H về cho Ủy ban nhân dân thị trấn Ea Drăng, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 589 Bộ luật dân sự. Chấp nhận việc gia đình các bị cáo đã trả lại cho anh Phạm Văn H' số tiền 20.000.000đ.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự 1999; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 1999 chấp nhận việc cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ea H'Leo trao trả chiếc xe máy cày cho anh Nguyễn Văn L.

Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Tấn Th; Nguyễn Đình H mỗi người phải nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Người có quyền, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện Ea H'Leo;
- Công an huyện Ea H'Leo;
- Cơ quan THAHS CA huyện E;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan;
- UBND Thị trấn E;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Long